

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG CHÀ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày 14/6/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lò Văn Dinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hiên.

2. Ông Khoàng Văn Hặc.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Phụng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Khả - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **V A C** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1971.

Nơi sinh: Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản L T II, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: V A S - Đã chết và bà: S T T - Đã chết.

Vợ: G T S - Sinh năm: 1972 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm: 1996 con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 25/8/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M C xử phạt 18 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, hiện đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo V A C: Ông P V H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

\* Người bị hại:

Anh V D D - Sinh năm: 1988 và chị V T L - Sinh năm: 1990. Người được ủy quyền của chị V T L là anh V D D - Có mặt.

Cùng trú tại: Bản L T I, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

01. G T S - Sinh năm: 1972 - Có mặt.

Trú tại: Bản L T II, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

02. L V S - Sinh năm: 1987 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản P P, xã M C, xã T G, tỉnh Điện Biên.

03. H V C - Sinh năm: 1989 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản P P, xã M C, xã T G, tỉnh Điện Biên.

\* Những người làm chứng:

01. T Q C - Sinh năm: 1979 - Có mặt.

Trú tại: Số nhà 82 B, khối Đồng Tâm, thị trấn T G, huyện T G, tỉnh Điện Biên.

02. Lầu A Chìa - Sinh năm: 1988 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản L T II, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

03. V A C - Sinh năm: 2000 - Có mặt.

Trú tại: Bản L T II, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

04. V T C - Sinh năm: 1983 - Vắng mặt không có lý do.

05. K V T - Sinh năm: 1964 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

06. G A S - Sinh năm: 1968 - Có mặt.

Trú tại: Bản L T II, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 19/01/2021, bị cáo V A C đi kiểm tra đàn trâu của gia đình ở khu vực bản L T II, xã H M, huyện M C thì phát hiện một con trâu cái khoảng ba tuổi, màu đen không phải của gia đình Cáo đi cùng đàn trâu của gia đình Cáo khoảng 2 ngày trước đó vẫn đang ở cùng đàn. Thấy con trâu lạ không có ai chăn dắt nhiều ngày, Cáo nảy sinh ý định trộm cắp con trâu mỗ để bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, sau đó Cáo đã dùng con dao nhọn mang theo người chém một nhát vào khớp chân sau bên trái của con trâu để con trâu không đi lại được, rồi Cáo đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, vợ Cáo là bà G T S lên bãi chăn thả trâu thấy con trâu đã bị Cáo chém vào chân trước đó thì nghĩ là trâu của gia đình bị thương nên đã về nhà thông báo cho Cáo biết. Nghe vợ nói xong Cáo lấy một đoạn dây thừng dài khoảng hai mét rồi đi cùng Sớ ra chỗ con trâu bị thương đang ăn cỏ, Cáo đã dùng dây thừng mang theo buộc vào mũi con trâu bị thương, đầu kia buộc vào cổ 01 con trâu khác trong đàn để kéo con trâu bị thương về nhà buộc cùng với đàn trâu của nhà Cáo. Sáng ngày 20/01/2021, Cáo gọi điện cho L V S nói trâu của gia đình Cáo bị thương nên muốn bán. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Sáng đến nhà Cáo xem và thỏa thuận mua trâu với giá 19.000.000 đồng nhưng chưa thống nhất được thì đã đến buổi trưa nên Sáng ở lại ăn cơm với gia

đình Cáo. Sau khi ăn cơm xong, con trâu bị chết nên Cáo đã thỏa thuận bán con trâu cho Sáng với giá 13.000.000 đồng. Sau khi thống nhất giá bán trâu xong, Cáo cùng với Sáng và H V C (là người được Sáng gọi đến để nhờ chở thịt trâu về) dùng một con dao nhọn và một chiếc búa bở củi của gia đình Cáo cùng mổ thịt con trâu ở trước cổng nhà Cáo. Mổ trâu xong Cáo giúp Sáng và Chính buộc phần thịt con trâu lên xe của Chính và Sáng chở đi, còn toàn bộ nội tạng của con trâu thì để lại cho Cáo. Trên đường chở số thịt trâu mua được của V A C về đến bản Hô Cút, xã Nậm Nèn, huyện M C L V S đã bán cho một người không rõ tên, địa chỉ với giá 14.000.000 đồng. Số tiền bán trâu Cáo đã trả nợ và chi tiêu cá nhân hết 12.000.000 đồng còn 1.000.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận số: 05/KLGD ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 con trâu cái giống địa phương màu lông đen khoảng 3 tuổi có trị giá là 18.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSMC ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên truy tố V A C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo V A C về cả tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo V A C từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với một đoạn dây thừng; một cái búa lưỡi sắt cán bằng gỗ; một con dao nhọn là những vật liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một mõ chuông trâu người bị hại không yêu cầu trả lại mà đề nghị tiêu hủy, như vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền một 1.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại Cáo dùng gọi cho ông L V S để bán trâu, Cáo khai dùng xong để trên giường trong nhà, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc điện thoại SamSung màu bạc có ốp nhựa màu nâu, màn hình cảm ứng trong máy có 02 sim là của ông L V S dùng để nghe, trao đổi mua bán trâu với bị cáo V A C nhưng ông Sáng không biết con trâu là do bị cáo V A C trộm cắp mà có nên ngày 04/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện M C đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho ông L V S.

**Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại yêu cầu bị cáo V A C bồi thường số tiền 30.000.000 đồng bao gồm thiệt hại về tài sản là 25.000.000 đồng và công đi tìm trâu là 5.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa bồi thường cho bị hại. Giá trị con trâu theo kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, có trị giá là 18.000.000

đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường như yêu cầu của người bị hại với số tiền là 30.000.000 đồng.

Đối với ông L V S là người đến mua trâu của bị cáo và ông H V C là người đến giúp L V S chở thịt trâu. Tuy nhiên ông Sáng và ông Chính những đều không biết con trâu là do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với G T S vợ của bị cáo biết việc bị cáo dắt con trâu về nhà và bán. Tuy nhiên bà Sớ cho rằng đó là trâu của gia đình. Bị cáo không nói cho vợ bị cáo biết đó là trâu của người khác và con trâu đó do bị cáo chém chân, bị cáo cũng không bàn bạc với vợ bị cáo về việc bán trâu. Do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Sớ.

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó cần miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo là phù hợp.

\* Người bào chữa cho bị cáo V A C không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M C đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo, đồng thời miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Xét về hành vi phạm tội:** Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo V A C thừa nhận rằng vào ngày 19/01/2021 bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp trâu để mổ lấy thịt bán lấy tiền. Bị cáo đem theo một con dao nhọn lên khu vực thả trâu của gia đình, bị cáo lợi dụng lúc không ai trông coi, bị cáo đã lén lút dùng con dao chém một nhát vào khớp chân của con trâu lạ ở cùng đàn trâu của gia đình, làm con trâu không thể đi lại được, con trâu có tổng giá trị là 18.000.000 đồng. Sau khi chém xong bị cáo về nhà. Đến 16 giờ cùng ngày vợ bị cáo đi xem đàn trâu của gia đình quay về nhà báo với bị cáo là trâu gia đình có một con bị chém vào chân, bị cáo cùng với vợ bị cáo lên bãi thả trâu của gia đình dắt con trâu mà bị cáo chém chân cùng đàn trâu của gia đình về nhà. Đến ngày 20/01/2021 bị cáo gọi điện cho ông L V S lên để mua con trâu, chưa kịp bán thì con trâu bị chết và bị cáo đã thỏa thuận bán con trâu đó cho ông Sáng với giá 13.000.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai. Căn cứ vào hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị

cáo V A C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình quy định.

*“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”*

**[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy:** Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo V A C diễn ra giản đơn, nhưng đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị cáo nhận thức được rằng, hành vi của mình là vi phạm pháp luật nếu bị phát hiện thì sẽ bị xử lý rất nghiêm khắc. Tuy nhiên chỉ vì lòng tham, muốn có tiền chi tiêu của bản thân, bị cáo đã bất chấp tất cả, coi thường pháp luật cố tình trộm cắp tài sản của người khác, miễn sao có lợi cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc quản lý, bảo quản tài sản của mình.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

**[3] Xét về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

Xét thấy bị cáo V A C xuất thân từ gia đình nông dân, được bố mẹ nuôi dưỡng, không đi học ở nhà tham gia lao động sản xuất cùng gia đình ở địa phương. Năm 1991 đi nghĩa vụ quân sự, Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện M C xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 20/9/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, hiện bị cáo đã được xóa án tích. Lần phạm tội trước cũng là tội trộm cắp tài sản và phạm tội lần này cũng tội trộm cắp tài sản, như vậy trong cuộc sống bị cáo chỉ có ý định trộm cắp tài sản của người khác, không chịu tu chí làm ăn lương thiện cùng vợ con lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình làm người cha mẫu mực để con cái noi theo, nhưng bị cáo không làm được như vậy. Do sự ích kỷ của bản thân, đây là lần thứ hai bị cáo đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác, để đến ngày hôm nay một lần nữa chịu sự trừng phạt của pháp luật là lẽ đương nhiên, bị cáo có ân hận thì cũng đã muộn, như vậy bị cáo là người có nhân thân xấu. Đây cũng là bài học cảnh tỉnh chung cho tất cả mọi người phải biết tôn trọng pháp luật, sống theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Như vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần xét, trong cuộc sống

việc tuân thủ pháp luật, nhân thân, hành vi mà bị cáo đã thực hiện để áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ mà bị cáo đã gây ra. Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt là phù hợp cần được xem xét chấp nhận. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

**[4] Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy qua biên bản xác minh của Công an gia đình bị cáo không có tài sản gì đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp.

**[5] Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 đoạn dây thừng, 01 cái búa, 01 con dao đã được niêm phong là những vật chứng thu giữ của bị cáo V A C liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 mõ chuông trâu người bị hại anh V D D không yêu cầu trả lại và đề nghị tịch thu tiêu hủy, như vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền do phạm tội (bán thịt trâu trộm cắp) mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo dùng để gọi cho Sáng để bán trâu, bị cáo khai dùng xong để trên giường trong nhà, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc điện thoại SamSung màu bạc có ốp nhựa màu nâu, màn hình cảm ứng trong máy có 02 sim là của ông L V S dùng để nghe, trao đổi mua bán trâu với bị cáo V A C nhưng ông Sáng không biết con trâu là do bị cáo V A C trộm cắp mà có nên ngày 04/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện M C đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho ông L V S là phù hợp.

**[6] Trách nhiệm dân sự:** Giá trị con trâu mà bị cáo trộm cắp theo kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, có trị giá là 18.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại cho rằng con trâu mà bị cáo trộm cắp có giá trị 25.000.000 đồng, Vậy người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị con trâu là 25.000.000 đồng và 5.000.000 đồng công tìm trâu, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 30.000.000 đồng như bị hại đã yêu cầu.

Đối với ông L V S là người đến mua trâu của bị cáo và ông H V C là người đến giúp L V S trở thịt trâu. Tuy nhiên ông Sáng và ông Chính những đều không biết con trâu là do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với G T S vợ của bị cáo biết việc bị cáo dắt con trâu về nhà và bán. Tuy nhiên bà Sớ cho rằng đó là trâu của gia đình. Bị cáo không nói cho vợ bị cáo biết đó là trâu của người khác và con trâu đó do bị cáo chém chân, bị cáo cũng không bạc với vợ bị cáo về việc bán trâu. Do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Sớ. Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]** Những đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo là có cơ sở nên

cần được xem xét.

**[8] Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, do đó cần miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo là phù hợp.

**[9]** Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M C và Viện Kiểm sát nhân dân huyện M C, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo V A C phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo V A C 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 05/02/2021.

**2. Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, 01 mõ chuông trâu đã được niêm phong bên ngoài đã có ghi dòng chữ viết tay: Vật chứng thu giữ của V A C; 01 cái búa, 01 con dao đã được niêm phong bên ngoài đã có ghi dòng chữ viết tay: Vật chứng thu giữ của V A C.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

Số vật chứng trên đã được bàn giao sang Chi cục thi hành án dân sự huyện M C vào ngày 22/4/2021.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu bồi thường của người bị hại.

Buộc bị cáo V A C bồi thường cho anh V D D - Sinh năm: 1988, trú tại: Bản L T 1, xã H M, huyện M C, tỉnh Điện Biên số tiền 30.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thi hành án khoản tiền trên thì các bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/6/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GDKT TA tỉnh DB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- Người bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND xã H M thay cho thông báo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lò Văn Đình**